TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 01 năm 2021
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng.

2. Ông Nguyễn Thanh Nhàn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Không tham gia.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 892/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1972. (Có mặt).
Cư trú: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.
2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn N1, sinh năm 1971. (Có mặt).
Cư trú: Ấp Mỹ Bình, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà L trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn N1 chung sống với nhau vào năm 1993, không đăng ký kết hôn hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn chung sống từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn bà L xin ly hôn với ông Huỳnh Văn N1.

- *Về quan hệ con chung*: Bà và ông N1 có 02 con chung tên Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm 1994 và Huỳnh Văn N2, sinh năm 1999. Hiện con chung đã trưởng thành. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà và ông N1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung*: Không có.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N1 thống nhất như lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân. Nay, bà L xin ly hôn ông đồng ý theo đơn khởi kiện của bà L.

- *Về quan hệ con chung*: Ông và bà L có 02 con chung tên Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm 1994 và Huỳnh Văn N2, sinh năm 1999. Hiện con chung đã trưởng thành. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ông và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Hồ Thị L xin ly hôn với ông Huỳnh Văn N1. Ông N1 có nơi cư trú tại M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Bà Hồ Thị L và ông Huỳnh Văn N1 xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định; do đó hôn nhân của bà L, ông N1 là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên không công nhận bà Hồ Thị L và ông Huỳnh Văn N1 là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung:* Bà và ông N1 có 02 con chung tên Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm 1994 và Huỳnh Văn N2, sinh năm 1999. Hiện con chung đã trưởng thành. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ông N1 và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung:* Ghi nhận bà L và ông N1 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà L và ông N1 trong thời kỳ hôn nhân thì bà L và ông N1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 8, 9, 14, 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Hồ Thị L và ông Huỳnh Văn N1 là vợ chồng.

3. *Về quan hệ con chung:* Bà L và ông N1 có 02 con chung tên Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm 1994 và Huỳnh Văn N2, sinh năm 1999. Hiện con chung đã trưởng thành. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. *Về quan hệ tài sản chung:* Ông N1 và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về quan hệ nợ chung:* Ghi nhận bà L và ông N1 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà L và ông N1 trong thời kỳ hôn nhân thì bà L và ông N1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: bà L phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013859 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Bà L đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà bà Hồ Thị L và ông Huỳnh Văn N1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh